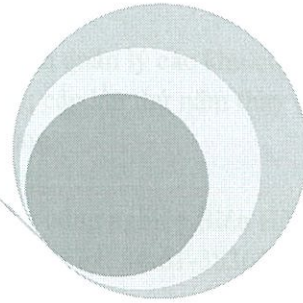
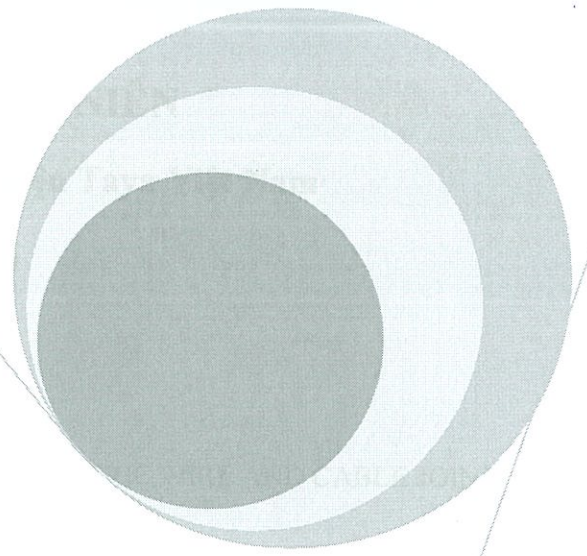


green
inside
TA YA GROUP

TA  YA
大亞電纜集團
TA YA GROUP



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016**

Tháng 03 năm 2017

★ S.G.C.★


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

NĂM 2016

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên viết tắt : TAYA VIỆT NAM
- Tên giao dịch : TAYA (VIET NAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY.
- Logo công ty : 
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 472033000584 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp lần đầu ngày 11/07/2008, cấp lần thứ năm thay đổi ngày 13/05/2013.
- Vốn điều lệ : 306.899.450.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 434.153.189.832 đồng.
- **Địa chỉ trụ sở chính** : Số 1, đường 1 A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Điện thoại : 84-61-3836361 ~ 4 Fax: 84-61-3836388
- E-mail : vndnstock@mail.taya.com.tw
- Website công ty : www.taya.com.vn
- Mã cổ phiếu : TYA
- **Địa chỉ chi nhánh** : km 35, quốc lộ 5A, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại : 84-320-3775888 ~ 890 Fax: 84-320-3775896
- E-mail : ck_chen@mail.taya.com.tw

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Ngày thành lập

Ngày 7/10/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 414 CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

2.2. Ngày niêm yết

Giấy phép niêm yết cổ phiếu số: 40/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán nhà nước (SSC) cấp ngày 2/12/2005.

2.3. Ngày cổ phiếu giao dịch chính thức

Ngày 15 tháng 02 năm 2006 cổ phiếu Taya Việt Nam chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (nay là Sở dịch Chứng khoán TP.HCM).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

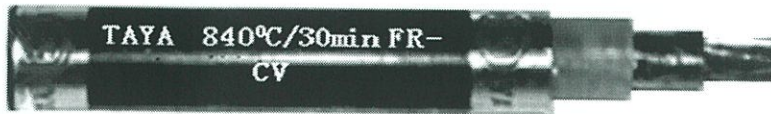
- Sản xuất các loại dây và cáp điện cao thế và trung thế 1-35KV, dây và cáp điện hạ thế 600- 1000V, cáp điện lực XLPE 600V, cáp điện lực có giáp bằng sợi thép, băng nhôm, băng đồng, băng thép, dây cáp điện chống cháy, dây cáp điện ít khói, dây cáp điện không độc hại, dây đồng trần đơn và xoắn, cáp điều khiển, các loại dây mềm, dây điện dùng trong ô tô, sản xuất động cơ và máy bơm nước.
- Thi công xây lắp các công trình điện.
- Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và quyền phân phối các mặt hàng phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật.
- Sản xuất linh kiện, thiết bị, phụ tùng dùng cho ngành điện.

- Thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

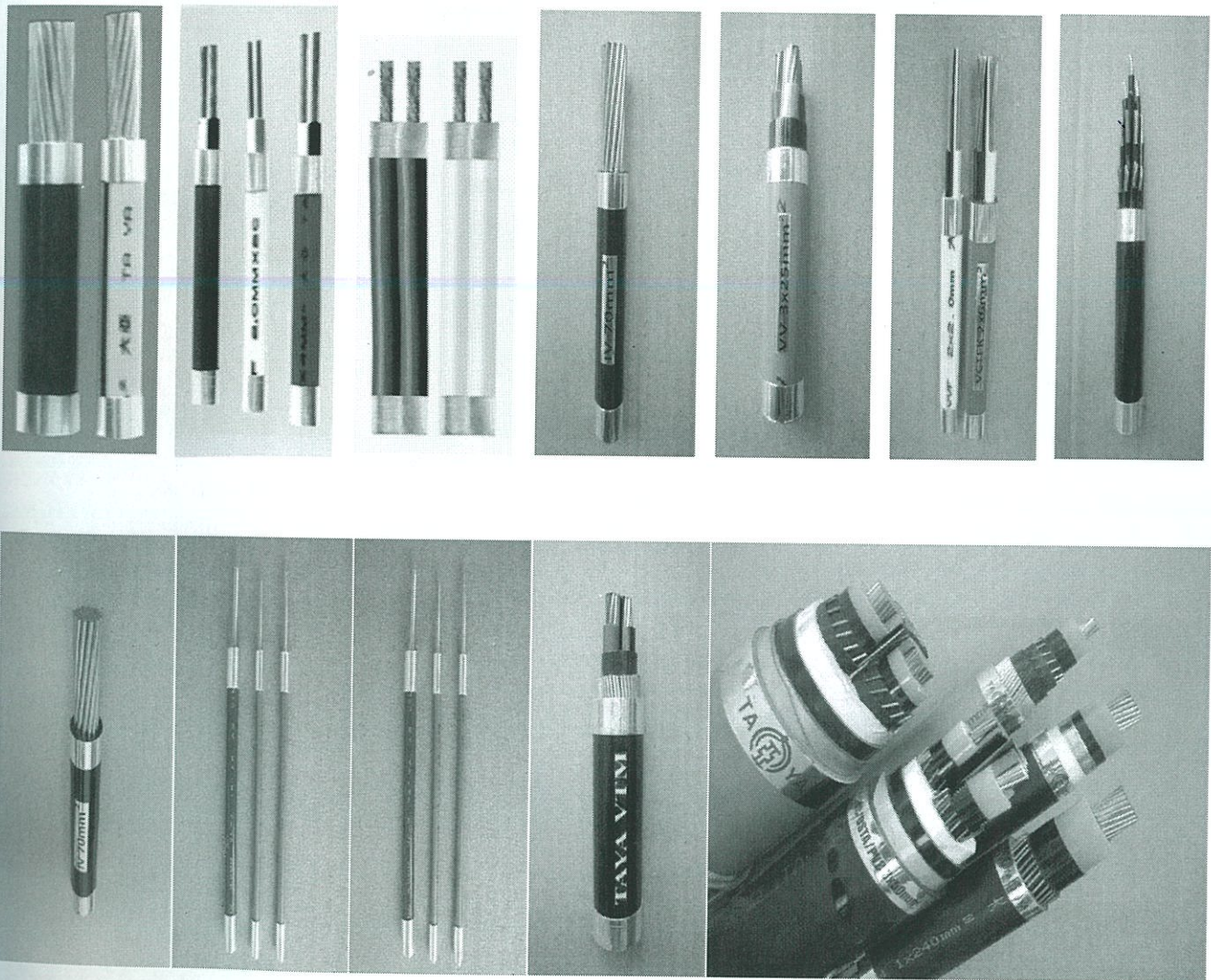
3.2. Hình ảnh sản phẩm tiêu biểu

- Dây cáp điện chống cháy, chịu nhiệt.
- Dây cáp điện hạ thế từ 600V đến 1.000V.
- Dây cáp điện trung áp từ 1KV đến 35KV.
- Các loại dây điện từ chịu nhiệt từ 155°C đến 200°C.
(PEW, UEW, EAIW, SEIW, SPEIW...)

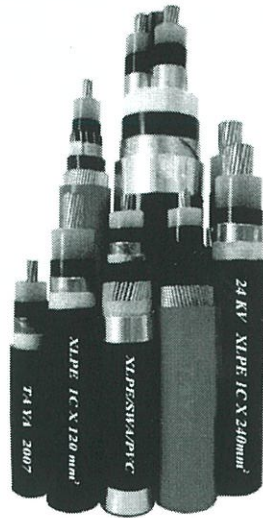
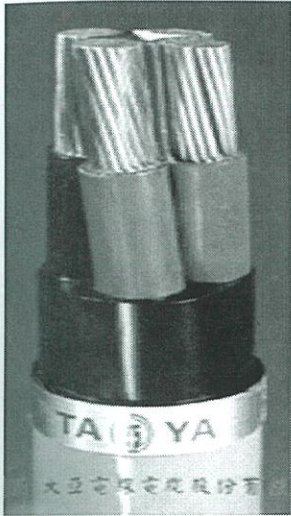
➤ Dây cáp điện chống cháy, chịu nhiệt



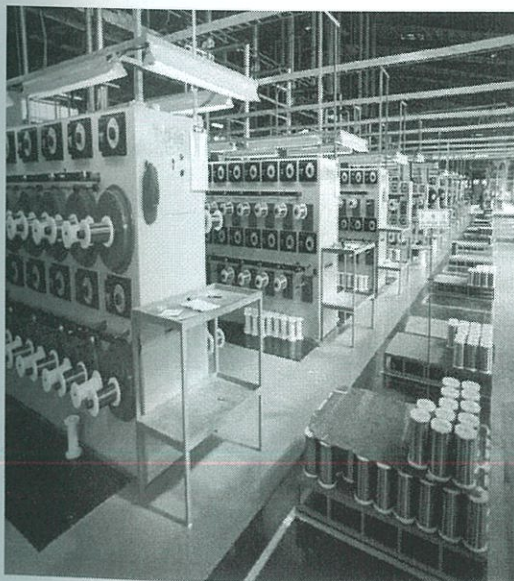
➤ Chúng loại sản phẩm dây cáp điện hạ thế từ 600V đến 1.000V



➤ Dây cáp điện trung áp từ 1KV ~ 35 KV



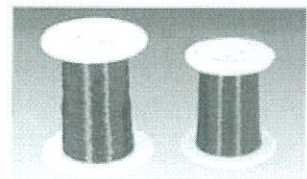
- Các loại dây điện từ PEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ UEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ EAIW (cấp chịu nhiệt 200°C), dây điện từ SEIW (cấp chịu nhiệt 180°C), dây điện từ SPEIW (cấp chịu nhiệt 180°C)...



PEW

聚酯漆包銅線

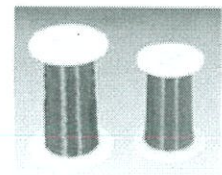
Dây điện từ Polyester
Polyester Enameled Wire
耐温等級 : 155°C
Cấp chịu nhiệt : 155°C
Thermal Rating: 155°C



PEW-NY

尼龍外被聚酯漆包銅線

Dây điện từ Polyester với lớp Polyamide phủ ngoài
Polyamide Overcoated Polyester Enameled Wire
耐温等級 : 155°C
Cấp chịu nhiệt: 155°C
Thermal Rating: 155°C



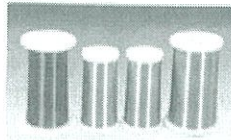
UEW+NY

尼龍外被聚胺酯漆包銅線

Dây điện tử Polyurethane có phủ Polyamide
Polyamide Over Polyurethane Enamelled Wire

耐温等級：130°C/155°C

Cấp chịu nhiệt: 130°C/155°C
Thermal Rating: 130°C/155°C



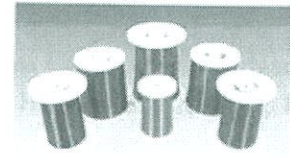
UEW

聚胺酯漆包銅線

Dây điện tử Polyurethane
Polyurethane Enamelled Wire

耐温等級：130°C/155°C/180°C

Cấp chịu nhiệt: 130°C/155°C/180°C
Thermal Rating: 130°C/155°C/180°C



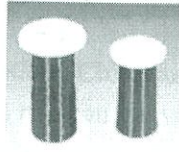
SEIW

直焊變性聚亞胺酯漆包銅線

Dây điện tử Polyester-Imide có tính tự hàn
Solderable Polyester-Imide Enamelled Wire

耐温等級：180°C

Cấp chịu nhiệt: 180°C
Thermal Rating: 180°C



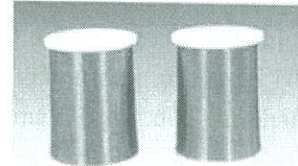
PVF

聚乙烯甲醛漆包銅線

Dây điện tử Polyvinyl Formal
Polyvinyl Formal Enamelled Wire

耐温等級：105°C

Cấp chịu nhiệt: 105°C
Thermal Rating: 105°C



EAIW

醃胺亞胺外被變性聚酯漆包銅線

Dây điện tử Polyester-Imide được phủ Amide-Imide
Amide-Imide Overcoated Polyester-Imide Enamelled Wire

耐温等級：200°C

Cấp chịu nhiệt: 200°C
Thermal Rating: 200°C



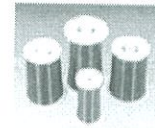
EIW

聚酯亞胺漆包銅線

Dây điện tử Polyester-Imide
Polyester-Imide Enamelled Wire

耐温等級：180°C

Cấp chịu nhiệt: 180°C
Thermal Rating: 180°C

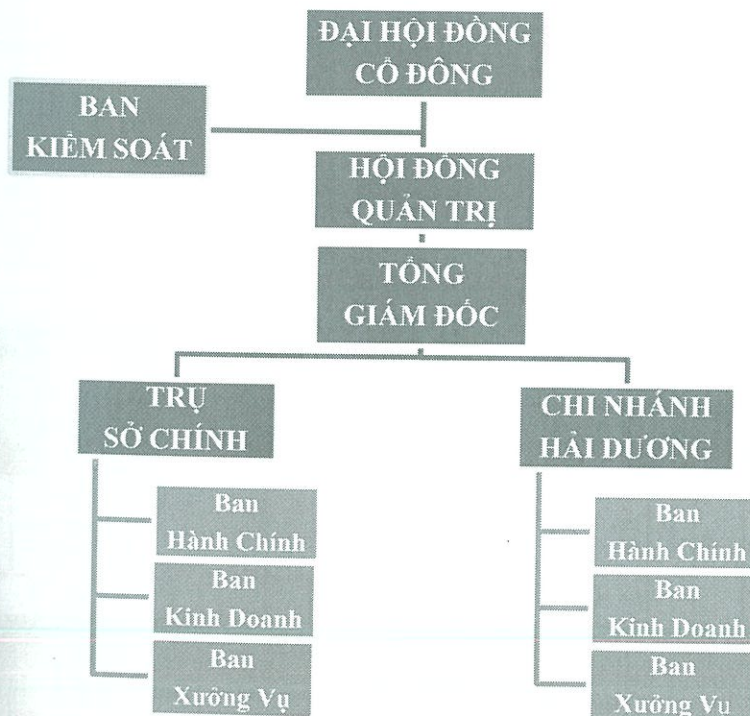


3.3. Địa bàn kinh doanh:

- Địa bàn kinh doanh của công ty trải rộng khắp cả nước, chủ yếu chia thành hai phần. Thị trường từ thành phố Đà Nẵng trở vào miền nam do trụ sở chính tại tỉnh Đồng Nai phụ trách kinh doanh, chi nhánh công ty tại tỉnh Hải Dương phụ trách cung cấp hàng hóa cho thị trường từ thành phố Đà Nẵng trở ra miền bắc.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị của công ty



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty

- **Trụ sở chính và nhà máy tại tỉnh Đồng Nai:** Nơi đặt nhà máy sản xuất của Công ty tại phía Nam, có văn phòng làm việc của Tổng Giám Đốc và Các Ban chuyên trách gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban Kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ.

Địa chỉ: Số 1, đường 1 A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 061-3836 361-4

Fax: 061-3836 388

E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw

Website: www.taya.com.vn

- **Chi nhánh tại tỉnh Hải Dương:** Nơi đặt nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện cung cấp cho thị trường từ các tỉnh phía Bắc đến Đà Nẵng. Chi nhánh Hải Dương có cơ cấu tổ chức bộ máy tương tự như tại Nhà máy ở Đồng Nai. Trụ sở chính và các ban chuyên trách của Chi nhánh đặt tại Nhà máy. Đứng đầu chi nhánh là Phó Tổng Giám Đốc Taya Việt Nam.

Địa chỉ: Km 35 QL 5 – Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0320 – 3775888 0320 – 3775890~892 Fax: 0320 – 3775 896

Email: ck_chen@mail.taya.com.tw

Website: www.taya.com.vn

- **Văn phòng đại diện tại Tp.HCM:** Nơi đặt văn phòng liên lạc thương mại cung cấp dây điện và cáp điện cho thị trường Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành lân cận.

Địa chỉ: Số 135/17/25-27, đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22 quận Bình Thạnh, Tp.HCM.

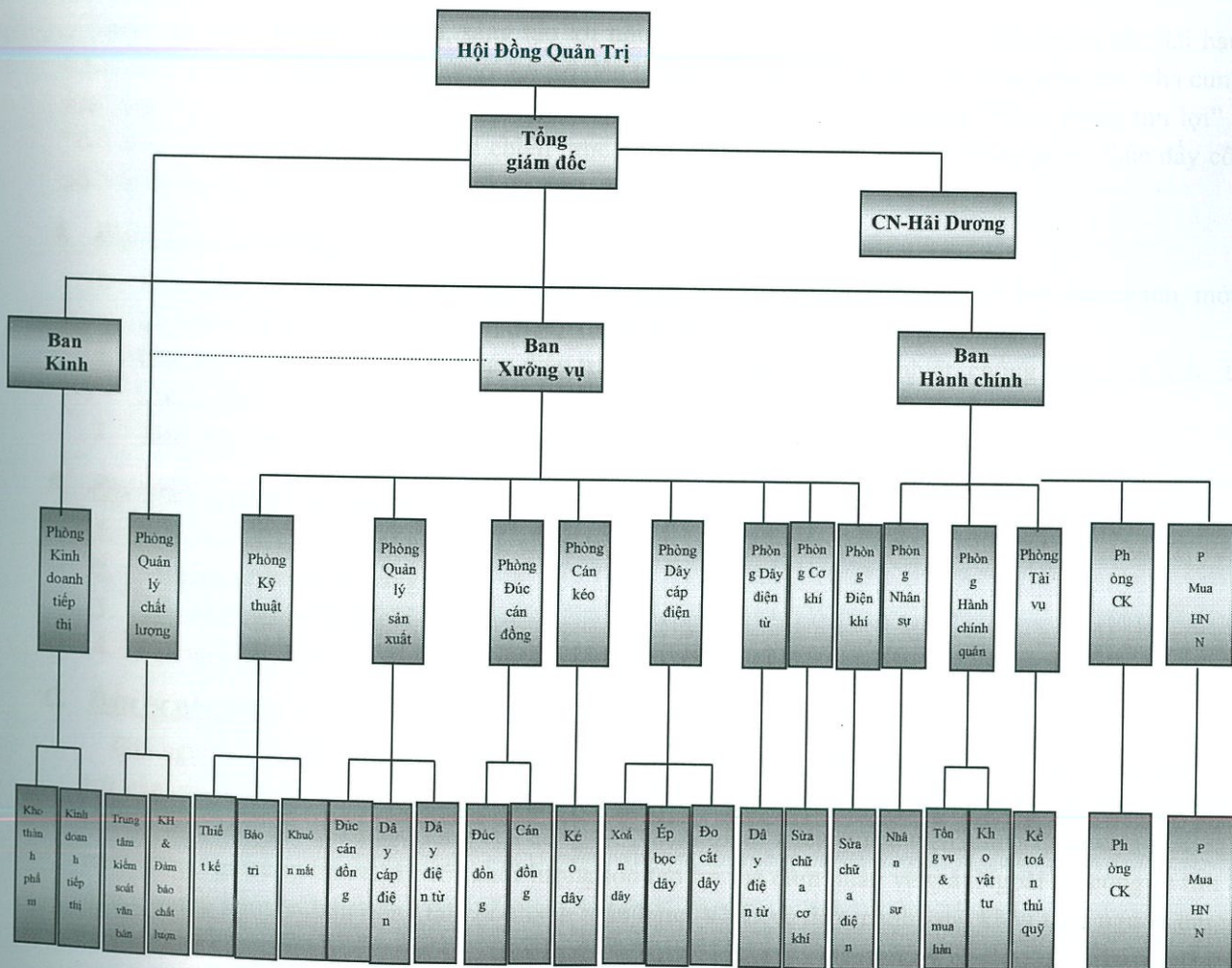
Điện thoại: 08-35128861-3

Fax: 08-35128790

E-mail: kao@mail.taya.com.tw

Website: www.taya.com.vn

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



- **Các ban chuyên trách:** Là những ban trực tiếp điều hành công việc của nhà máy theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc (đối với chi nhánh Hải Dương). Cơ cấu tổ chức của Taya được thiết lập bao gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ. Chức năng nhiệm vụ của các Ban được quy định như sau:

Ban Hành chính quản trị: Có chức năng quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý chứng khoán và quản lý tổng vụ. Thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, lương và các chính sách cho người lao động, xuất nhập khẩu và mua nguyên vật liệu, mua văn phòng phẩm và các thiết bị văn phòng, quản lý kho nguyên liệu...

Ban kinh doanh tiếp thị: Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động tiếp thị. Thực hiện nhiệm vụ mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, tham gia đấu thầu cung cấp sản phẩm, xây dựng giá bán và đưa ra giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy bán hàng, quản lý kho thành phẩm, vận tải hàng hóa...

Ban xưởng vụ: Có chức năng trong việc điều hành sản xuất và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch sử dụng nguyên liệu, thực hiện các việc kiểm tra chất lượng, bảo trì sửa chữa và vận hành các máy móc thiết bị.

5. Định hướng phát triển

5.1. Mục tiêu chủ yếu

- Xây dựng công ty trở thành nhà sản xuất dây và cáp điện hàng đầu tại Việt Nam, sản phẩm đạt chất lượng Cao, có khả năng thay thế hàng nhập khẩu.
- Phát triển thương hiệu Taya lớn mạnh trên thị trường Việt Nam và khu vực.
- Tăng trưởng doanh thu xuất khẩu đạt trên 20%/năm.
- Chiếm 20% thị phần sản xuất dây cáp điện trong nước.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Thiết lập mục tiêu kinh doanh, sáng tạo lợi nhuận và tối đa hóa tăng trưởng giá trị tài sản dài hạn hữu hình và vô hình, kết hợp toàn diện mọi hỗ trợ đến từ các đối tác kinh doanh liên quan như: các nhà cung ứng, nhà tiêu dùng, nhân viên công ty và các tổ chức xã hội ... chuyển đổi ý tưởng “kinh doanh thu lợi” thành “đổi mới thu lợi” bao gồm: Đổi mới chiến lược quản lý, kỹ thuật, sản phẩm và bán hàng, thúc đẩy công ty phát triển lớn mạnh và bền vững.

A. Phát triển thị trường:

1. Tận dụng ưu thế thương hiệu, kỹ thuật và quản lý, tạo mối quan hệ liên kết hợp tác ngành, mở rộng quy mô kinh doanh, nâng cao vị thế tỷ trọng ngành.
2. Phát triển sản phẩm ngôi sao cáp điện trung cao áp, cáp điện chịu nhiệt, chống cháy, cáp điện ít khói không độc.
3. Tích cực phát triển sản phẩm dây cáp điện bảo vệ môi trường.

B. Phát triển nguồn nhân lực:

1. Đào tạo, nâng cao tay nghề công nhân.
2. Thu hút nhân sự tài năng.
3. Tập huấn tại nước ngoài.
4. Đãi ngộ phù hợp với xu thế chung.

C. Đầu tư phù hợp:

Giá nguyên liệu đồng thường bị chi phối bởi cung cầu thị trường thế giới và hệ lụy trong đầu cơ tích trữ của các định chế tài chính, các quỹ đầu tư quốc tế và tác động của tỷ giá hối đoái biến động gây ảnh hưởng trực tiếp kết quả hoạt động của công ty. Nhằm giảm thiểu rủi ro trên, công ty áp dụng chiến lược mua hàng tập trung linh động với khối lượng lớn tạo lợi thế đàm phán về giá. Ngoài ra, công ty tìm thêm nguồn cung nguyên liệu đồng tại chỗ thanh toán bằng VNĐ và đẩy mạnh xuất khẩu tăng nguồn thu ngoại tệ cần thiết cho công ty.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

➤ Mục tiêu bảo vệ môi trường an toàn, sạch, đẹp

Những năm qua, Tập đoàn Taya huy động mọi nguồn lực nghiên cứu, phát triển, sản xuất ra thị trường các loại cáp điện bảo vệ môi trường, trong đó sản phẩm Dây điện từ cách điện 3 lớp (0.6~1.0mm) đã nhận được Chứng nhận hợp chuẩn “Dấu Chân Carbon” (lượng khí CO₂ thải), những sản phẩm này sử dụng nguyên liệu nhựa (pvc) không hàm chứa nguyên tố HALOGEN (F, Cl, Br, I, At, Uus) độc hại, có khả năng chống lan cháy, ít khói không độc (không sản sinh ra khí độc Dioxin, Hydracid khi bị cháy). Những công trình công cộng và nhà ở sử dụng sản phẩm của công ty, đã thực sự cảm nhận được sự đảm bảo an toàn không độc hại, góp phần tạo dựng môi trường sống lành mạnh, sạch đẹp trong xã hội.

➤ Mục tiêu trách nhiệm xã hội và cộng đồng

Việc kinh doanh và hoạt động của một công ty mang lại những ảnh hưởng không chỉ riêng cho công ty, mà còn góp phần tạo dựng hạnh phúc trong xã hội. Một công ty được gọi là phát triển bền vững, phải là một công ty cùng hài hòa, cùng phát triển, cùng tồn tại với nơi công ty đặt trụ sở tại đó. Từ nhiều năm qua, công ty không ngừng tài trợ các khoản học bổng nhằm khích lệ sinh viên, con em công nhân nỗ lực học hành, luôn tài trợ học phí toàn phần cho cán bộ công nhân học chuyên sâu nghề, ngoại ngữ hoặc tiếp tục hoàn thành chương trình đại học từng bị gián đoạn, giúp người lao động trang bị kiến thức, cải tiến năng lực nghề nghiệp và trình độ ngoại ngữ, tạo cơ hội công ăn việc làm cho xã hội.

5.4. Mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu không ổn định và tác động bởi giá dầu thô giảm mạnh, mọi cá thể kinh tế đều đứng trước thách thức lớn về sự phát triển bền vững. Mỗi một công ty đều phải tự chịu trách nhiệm đối với mục tiêu phát triển của chính công ty mình. Mỗi một công ty căn cứ tính đặc thù và nhiệm vụ khác biệt của mình, sẽ có những phương pháp, mục tiêu, quy mô và công cụ khác nhau được áp dụng để xây dựng, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và đó chính là chính sách và mục tiêu lâu dài của công ty được đặt lên hàng đầu, cụ thể như sau:

Về mặt chính sách :

Chính sách CSR (trách nhiệm xã hội doanh nghiệp)

Trên con đường CSR, công ty hiểu ra một doanh nghiệp cần quan tâm không chỉ riêng cho công ty của mình mà còn phải tìm ra một con đường để chính sách phát triển của công ty trùng khớp, phù hợp với Chính sách CSR.. Cách của chúng tôi là kết hợp CSR với chiến lược phát triển thương mại để trở thành một thương hiệu có trách nhiệm với xã hội. Chúng tôi cho rằng **thương hiệu** là một tài sản rất quan trọng của một doanh nghiệp.

➤ **Tầm nhìn:** Phấn đấu trở thành thương hiệu dẫn đầu tiếp nối nguồn năng lượng, sản phẩm thân thiện với môi trường, là bàn tay xúc tiến xây dựng quê nhà an toàn sạch đẹp, là chỗ dựa vững chắc, được công nhân lao động, khách hàng, cổ đông và xã hội tin cậy.

➤ **Thực hành và theo đuổi:** Gắn kết với công nghệ kỹ thuật hiện đại, cam kết chính sách CSR trùng khớp với chính sách phát triển doanh nghiệp, quyết tâm tiến tới mục tiêu phát triển bền vững.

➤ **Giá trị ý tưởng:** Không ngừng nâng cao sự hoàn hảo, cùng tồn tại cùng phát triển, vững vàng thành tín, sáng tạo và đổi mới.

6. Các rủi ro:

Rủi ro tỷ giá hối đoái: Công ty có rủi ro về tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng ngoại tệ chủ yếu là USD. Rủi ro tỷ giá hối đoái của công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất trong năm:

Năm 2016 doanh thu đạt khoảng 1.291 tỷ đồng, giảm 9,94% so với kế hoạch, giảm 8,37% so với thực hiện năm 2015; Lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 48,8 tỷ đồng giảm 9,53% so với kế hoạch, giảm 21,92% so với thực hiện năm 2015.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu năm 2016 khoảng 3,78% tăng 0,53% so với 3,76% dự tính năm 2016. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn cổ phần 2016 khoảng 15,90% giảm 17,74% so với 19,33% dự tính của năm 2016.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

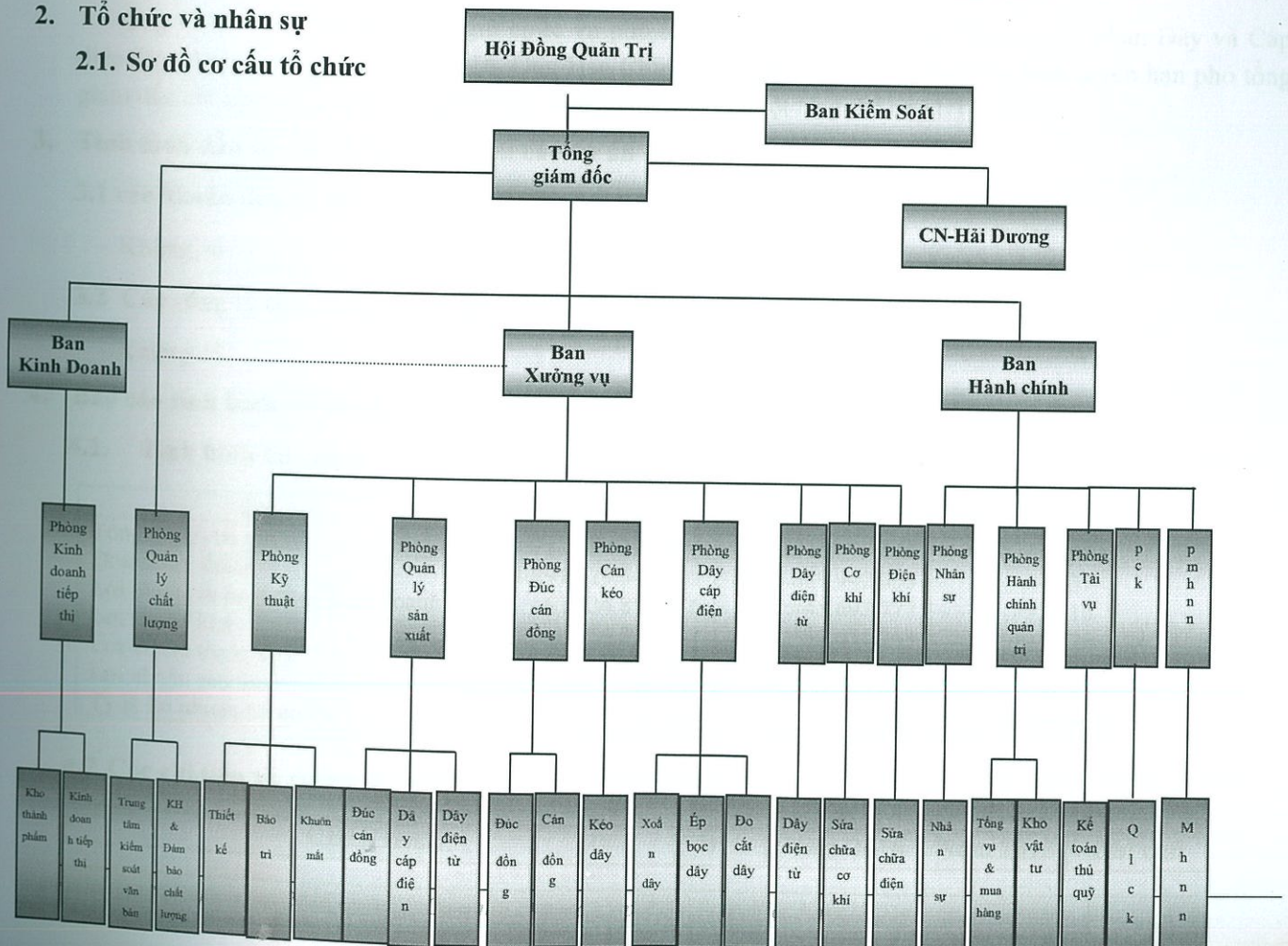
CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tăng/giảm Kim ngạch	Tăng/giảm so với KH (%)
Vốn điều lệ (triệu đồng)	279.014	306.899	27.886	9,99
Doanh thu (triệu đồng)	1.433.458	1.291.029	-142.429	-9,94
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	67.353	61.117	-6.236	-9,26
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	53.937	48.798	-5.139	-9,53
LN sau thuế/Doanh thu (%)	3,76	3,78	0,02	0,53
LN sau thuế/Vốn cổ phần (%)	19,33	15,90	-3,43	-17,74

Phân tích nguyên nhân:

Doanh thu năm 2016 giảm 9,94%, lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 48,8 tỷ đồng, giảm khoảng 5,1 tỷ đồng (giảm 9,53%) so với kế hoạch. Nguyên nhân do giá nguyên liệu đồng thế giới LME quý 4/2016 bình quân gia tăng khoảng USD508/T so với quý 3/2016 khiến giá vốn tăng cao. Mặc dù công ty cố gắng điều chỉnh giá bán hàng hóa, nhưng mức điều chỉnh không sao theo kịp mức độ tăng giá nguyên liệu, đã ảnh hưởng doanh thu quý 4/2016 không như mong đợi làm giảm đáng kể lợi nhuận sau thuế cả năm 2016 chỉ đạt VND48.798.773.695.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức



2.2. Danh sách Ban điều hành:

- Ông Wang Ting Shu

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1954

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học khoa học kỹ thuật Viễn Đông Đài Loan.

Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

- Ông Hsu Ching Yao

Chức vụ hiện tại: phó Tổng giám đốc.

Ngày tháng năm sinh: 31/12/1967

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học Fung Chia Đài Loan

Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

- Ông Sung Hsiang Lin

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng.

Ngày tháng năm sinh: 03/02/1988

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Cử nhân Tài chính kế toán Aletheia University Đài Loan.

Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Ông Chen Chung Kuang thôi giữ chức vụ phó tổng giám đốc chi nhánh Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam kể từ 11/11/2016. Ông Hsu Ching Yao giữ chức vụ và thi hành mọi quyền hạn phó tổng giám đốc chi nhánh Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam kể từ 11/11/2016.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 các khoản đầu tư lớn

- Không có.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết

- Không có.

4. Báo cáo tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	717.868.324.344	773.816.378.646	-7,23
Doanh thu thuần	1.291.029.542.245	1.408.889.942.553	-8,37
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	61.834.815.846	77.448.693.777	-20,16
Lợi nhuận khác	34.378.302	39.631.263	-13,25
Lợi nhuận trước thuế	61.117.735.285	77.338.429.746	-20,97
Lợi nhuận sau thuế	48.798	62.499.389.051	-21,92
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1.592	2.037	-21,89

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2016	Năm 2015	Ghi chú
----------	-----	----------	----------	---------

CHỈ TIÊU	Dvt	Năm 2016	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/nợ ngắn hạn)	%	214,82	171,88	
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	%	151,76	120,19	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	39,48	49,99	
+ Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	65,23	99,98	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	%	622,90	671,69	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	179,97	182,07	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,78	4,44	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,24	16,15	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,80	8,08	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,79	5,50	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty tại thời điểm báo cáo là: 30.689.945 cổ phần thuộc cổ phần phổ thông, trong đó số lượng cổ phiếu quỹ là: 9.363 cổ phần. Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do là: 6.125.410 cổ phần. Số lượng cổ phần chưa niêm yết là : 24.555.172 cổ phần, hạn chế chuyển nhượng là 9.206.983 cổ phần (cổ đông sáng lập nước ngoài cam kết năm giữ 30% cổ phần trong suốt thời gian dự án hoạt động).

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng cổ phần	3.918.375	12,77	26.771.570	87,23	30.689.945	100
Sở hữu nhà nước	-	-	-	-	-	-
Cổ đông sáng lập	-	-	24.555.172	80,01	24.555.172	80,01
Cổ đông pháp nhân	65.779	0,22	46.060	0,15	111.839	0,37
Cổ đông cá nhân	3.171.337	10,33	1.105.113	3,60	4.276.450	13,93
Pháp nhân chuyên nghiệp	671.896	2,19	1.065.225	3,47	1.737.121	5,66
Cổ phiếu quỹ	9.363	0,03	-	-	9.363	0,03
Tổng cộng	3.918.375	12,77	26.771.570	87,23	30.689.945	100

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm:

- Vốn cổ phần của công ty tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 là 27.901.377.000 đồng. Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10% trên vốn cổ phần (sở hữu 100 cổ phần được chia 10 cổ phần mới) làm thay đổi vốn cổ phần 306.899.450.000 đồng tại 31/12/2016.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm:

- Không giao dịch.

5.5. Phát hành chứng khoán khác trong năm:

- Không phát hành.

6. Báo cáo tác động môi trường và xã hội

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm chính trong năm 2016

- Nguyên vật liệu chính của dây cáp điện là nguyên liệu đồng tấm nhập khẩu và hạt nhựa PVC, PE thu mua trong nước. Nguyên liệu chính của sản phẩm dây điện từ là sơn Vecni cách điện nhập khẩu. Trong năm 2016 công ty nhập khẩu đồng tấm khoảng 6.428 tấn, mua trong nước 1.770,7 tấn, tổng cộng 8.198,7 tấn, nhập khẩu và mua trong nước sơn Vecni cách điện 212,1 tấn. Mua hạt nhựa PVC trong nước khoảng 2.608,2 tấn. Sử dụng lu lô gỗ đóng gói dây cáp điện các loại khoảng 12.090 cái/năm.

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm

- 0%.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp năm 2015 là: 19.498.476 kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

- Không có

c) Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

- Không có

6.3. Tiêu thụ nước năm 2016

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Lượng nước sử dụng trong kinh doanh sản xuất của công ty năm 2016 là 14.828 m³ do Công ty cấp nước Sonadezi Đồng Nai và tỉnh Hải Dương cung cấp.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

- Không có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

- Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

- Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động tại Trụ sở chính Đồng Nai và Chi nhánh Hải Dương đến thời điểm 31/12/2016 là 426 người với 109 cán bộ quản lý. Lao động nước ngoài 12 người chiếm 2,8% tổng số lao động và chủ yếu

giữ các vị trí quản lý. Trình độ văn hóa của lao động chiếm tỷ lệ như sau: trình độ đại học cao đẳng và trên đại học chiếm 25%, trung cấp chiếm 20% và trung học phổ thông trở xuống chiếm 55%. Mức lương trung bình người lao động trong công ty năm 2016 là 7.825.337 đồng/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

➤ **Chương trình khám sức khỏe định kỳ:**

Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể công nhân công ty, nhằm theo dõi phát hiện tình trạng sức khỏe của công nhân để biết cách dự phòng, điều trị và gìn giữ sức khỏe.

➤ **Đo kiểm môi trường làm việc:**

Một năm hai lần Công ty tổ chức đo kiểm môi trường làm việc của người lao động nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh lao động cho công nhân công ty.

➤ **Chính sách lương:**

Căn cứ trình độ chuyên môn áp dụng mức cao hơn mức lương qui định hiện hành của chính phủ. Khi kết thúc thời gian thử việc, qua đánh giá khả năng làm việc công nhân được nhận làm việc chính thức. Khi đó mức lương sẽ được tăng lên từ 7% - 15% tùy vị trí. Mỗi năm (thường là vào cuối năm) dựa vào kết quả đánh giá công ty điều chỉnh tăng lương cho nhân viên. Việc tính toán lương tăng ca, làm đêm theo quy định của Luật Lao động.

Ngoài tiền lương, người lao động tùy theo vị trí công việc mà được hưởng các khoản trợ cấp như trợ cấp làm đêm, trợ cấp chức vụ, trợ cấp chuyên cần, trợ cấp giao thông, trợ cấp khác...

➤ **Chính sách thưởng:**

Nhân viên Công ty làm việc trên 1 năm được thưởng tháng lương thứ 13 Hoặc từ 2 tháng lương bình thường trở lên tùy theo lợi nhuận hàng năm của Công ty. Năm 2016 công ty thưởng 02 tháng lương cơ bản cho toàn thể nhân viên.

Ngoài mức thưởng trên, nhân viên còn được hưởng các phúc lợi khác vào dịp lễ 30/4, 1/5, tặng quà vào dịp tết Trung thu, được công ty chi trả tiền đồng phục, tiền cơm trưa.

Hỗ trợ nhân viên lễ cưới, khi đau ốm, tai nạn lao động và tang lễ:

Tiền mừng lễ cưới đối với nhân viên làm việc trên 1 năm là 1.000.000 đồng; làm việc dưới 1 năm là 700.000 đồng; 500.000 đồng đối với lễ cưới con cái nhân viên công ty. Khi nhân viên bị đau ốm hoặc tai nạn lao động tiền thăm hỏi là 300.000 đồng còn tang lễ là 1.000.000 đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

➤ **Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên**

- Tổng số giờ đào tạo: 1.060 giờ, trung bình 4 giờ cho một nhân viên theo phân loại nhân viên.

➤ **Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp**

- Theo các quy định về nâng cao trình độ chuyên môn đối với nhân viên. Hỗ trợ các khóa học đào tạo ngoại ngữ và tay nghề, tiếp tục chương trình Đại học cho những công nhân có nhu cầu học tập và có thành tích đạt yêu cầu.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2016 Công ty đã hỗ trợ học bổng cho Trường cao đẳng Sonadezi tại Đồng Nai 16.000.000 đồng và tiền khuyến học cho con em của người lao động trong công ty 26.000.000 đồng và hỗ trợ thiết bị y tế 15.000.000 đồng cho trạm y tế địa phương xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương và 10.000.000 đồng hoạt động xã hội đảng bộ địa phương.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

- Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	2016	2015	Tăng/Giảm	% Tăng/giảm
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,291,029,542,245	1.408.889.942.553	-117,860,400,308	-8.37
2. Giá vốn hàng bán	1,179,055,749,833	1.269.967.366.547	-90,911,616,714	-7.16
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	111,973,792,412	138.922.576.006	-26,948,783,594	-19.40
4. Doanh thu hoạt động tài chính	14,757,630,636	13.279.819.566	1,477,811,070	11.13
5. Chi phí tài chính	10,764,116,218	23.343.597.463	-12,579,481,145	-53.89
6. Chi phí bán hàng	23,447,037,187	23.197.645.282	249,391,905	1.08
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30,685,453,797	28.212.459.050	2,472,994,747	8.77
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	61,834,815,846	77.448.693.777	-15,613,877,931	-20.16
9. Thu nhập khác	34,378,302	39.631.263	-5,252,961	-13.25
10. Chi phí khác	751,458,863	149.895.294	601,563,569	401.32
11. Lợi nhuận trước thuế	61,117,735,285	77.338.429.746	-16,220,694,461	-20.97
12. Thuế thu nhập doanh nghiệp	12,426,194,433	14,911,262,172	-2,485,067,739	-16.67
13. Thu nhập(chí phí)thuế thu nhập hoãn lại	(107,232,843)	(72.221.477)	-35,011,366	48.48
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	48,798,773,695	62.499.389.051	-13,700,615,356	-21.92
15. Lãi lỗ cơ bản trên cổ phần	1.591	2.241	-445	-21.85

Phân tích tổng quan hoạt động công ty

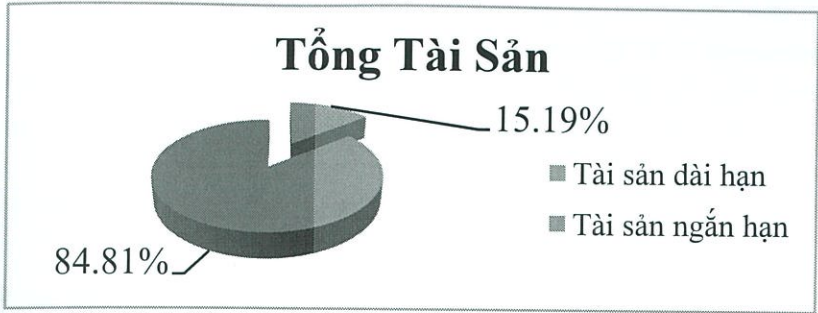
So sánh kết quả kinh doanh năm 2016 và năm 2015 có nhiều thay đổi đáng kể:

- **Doanh thu:** Doanh thu năm 2016 khoảng 1.291 tỷ đồng giảm 8,37% so với năm 2015. Trong đó, tiêu thụ nội địa chiếm 79% và xuất khẩu chiếm 21% (tăng 1%) so với năm 2015. Chủ yếu do tăng doanh thu xuất khẩu nước Campuchia, Lào, Myanmar và xuất khẩu tại chỗ tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.
- **Chi phí bán hàng/doanh thu:** Chi phí này năm 2016 ở mức 1,08% thấp hơn mức 1,65% của năm 2015 trong khi doanh thu năm 2016 giảm 8,37%, phản ánh việc quản lý chi phí bán hàng của công ty rất hiệu quả.
- **Chi phí quản lý/doanh thu:** Chi phí này năm 2016 ở mức 8,77% cao hơn mức 2% của năm 2015 phản ánh doanh thu không được như mong đợi ảnh hưởng chi phí quản lý cố định gia tăng.
- **Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính năm 2016 giảm khoảng 53,89% so với năm 2015, chủ yếu do ảnh hưởng bởi tỷ giá hối đoái năm 2016 tương đối ổn định.
- **Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo(Book Value):**

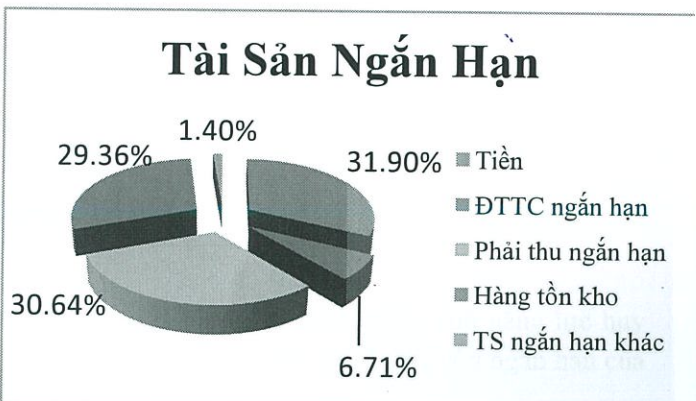
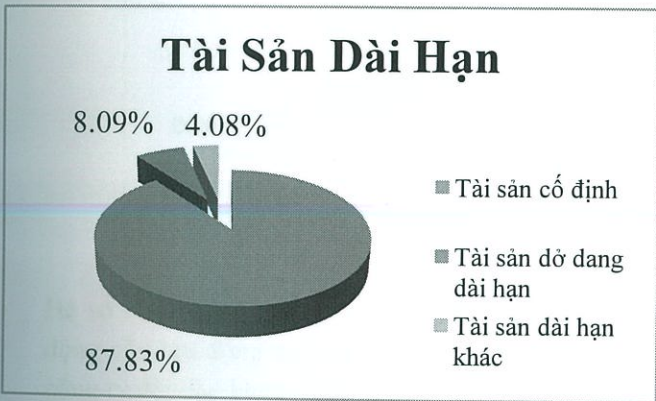
Chỉ tiêu	2016	2015	2014
Giá trị sổ sách (đồng/cp)	14.146	13.866	12.663

2. Tình hình tài chính

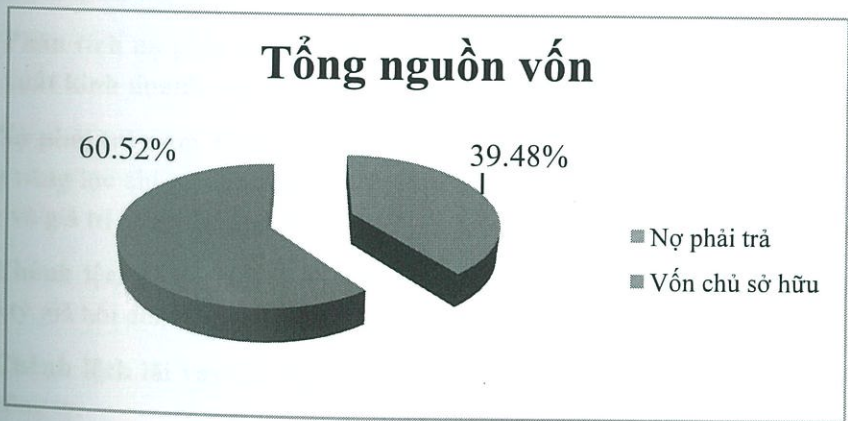
a. Tình hình tài sản



- Tổng tài sản công ty năm 2016 là 717.368.324.344 đồng, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 84,81%, tỷ lệ này tuy hơi cao, nhưng do tài sản ngắn hạn trong thời gian ngắn đã hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Vì vậy, khi dự tính cho thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường dễ hơn và tương đối chuẩn xác, thị trường biến động ít do trong thời gian ngắn hạn rủi ro về kinh doanh tương đối nhỏ.
- Ngược lại, đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định phải trong thời gian dài mới hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Trong điều kiện thời gian dài thì thị trường biến động khó lường, công ty dự tính thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường khó hơn và thiếu tính chuẩn xác.
- Cơ cấu tài sản khác nhau sẽ gặp phải những rủi ro cũng khác nhau. Tài sản dài hạn, tài sản cố định càng lớn thì mức độ hứng chịu rủi ro cũng sẽ lớn.



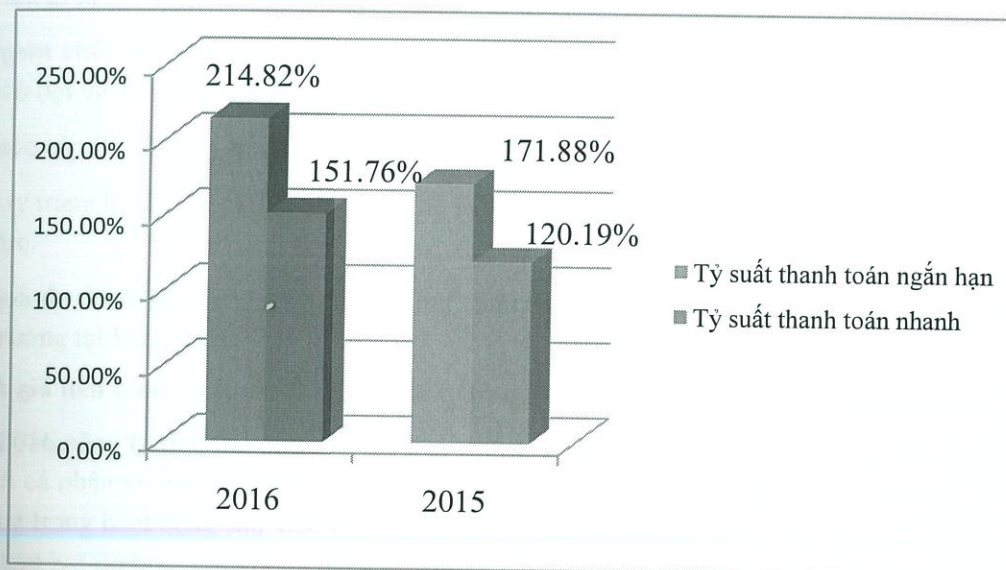
b. Tình hình nợ phải trả:



- Nợ phải trả Công ty năm 2016 khoảng 283,2 tỷ đồng, chiếm 39,48% Tổng nguồn vốn (khoảng 717,3 tỷ đồng). Trong đó, Vay ngắn hạn khoảng 167,6 tỷ đồng, chiếm 59,18% nợ ngắn hạn, khoản vay này chủ yếu dùng để chi trả nguyên liệu đồng tấm nhập khẩu.

- Nợ ngắn hạn cao sẽ ảnh hưởng đến giá trị của Doanh nghiệp và có những rủi ro nhất định, nhưng đối với một Doanh nghiệp sản xuất ổn định như Taya Việt Nam, phần lớn nợ ngắn hạn đều mang tính chiếm dụng luân chuyển và tính ổn định nhất định, đó ví như một khoản tiền vốn chiếm dụng dùng để tích trữ nguyên vật liệu sản xuất, bán thành phẩm và sản phẩm mà Doanh nghiệp liên tục luân chuyển sử dụng. Nợ ngắn hạn phải đồng thời với việc đánh giá đúng năng lực thanh toán của mình mới có thể tránh khỏi những rủi ro cho Doanh nghiệp.
- Chỉ số ROE năm 2016 của công ty là 11,24% giảm 4,91 điểm so với 16,15% của năm 2015 phản ánh khả năng lợi nhuận giảm hơn năm 2015.

c. Năng lực thanh toán:



- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2016 là 214,82% cao hơn 171,88% của năm 2015, phản ánh năng lực huy động vốn lưu động để thanh toán nợ ngắn hạn của công ty năm 2016 tốt hơn năm 2015, tức vốn ngắn hạn của công ty dồi dào không xảy ra nguy cơ mất khả năng thanh toán.
- Hệ số thanh toán nhanh năm 2016 là 151,76% cao hơn 120,19% của năm 2015, chủ yếu do tăng tiền và các khoản tương đương tiền, thể hiện năng lực thanh toán nhanh của công ty rất lý tưởng.

d. Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

- **Nợ phải trả năm 2016** của công ty khoảng 283,2 tỷ đồng, nợ ngắn hạn này tuy lớn nhưng hoàn toàn nằm trong năng lực chi trả của công ty. Tuy nhiên, các khoản phải thu ngắn hạn của công ty vào khoảng 186,4 tỷ đồng và giá trị hàng tồn kho khoảng 178,6 tỷ đồng vẫn cân đối cao hơn nợ phải trả.
- **Chênh lệch tỉ lệ giá hối đoái** sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất của công ty. Năm 2016 tỷ giá hối đoái tương đối ổn định không gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
- **Chênh lệch lãi vay** các ngân hàng thương mại không nhiều ít gây ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Không thay đổi.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu trên 30%, xuất khẩu 25%, lợi nhuận sau thuế trên 60 tỷ đồng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

- Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Hiện trạng môi trường tại công ty theo kết quả đo đạc chất lượng môi trường tháng 12/2016 do Viện Nước và Công nghệ môi trường Tp. HCM thực hiện:

- **Chất lượng môi trường không khí:** Tất cả các chỉ tiêu đo đạc, phân tích tại các vị trí lấy mẫu tại công ty đều đạt tiêu chuẩn cho phép, QCVN 05: 2013/BTNMT, QCVN 26: 2010/BTNMT và TCVSLĐ3733/2002/BYT/QĐ.
- **Chất lượng môi trường nước thải:** Tất cả các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải vào cống thu gom thoát nước của KCN Biên Hòa II.
- **Thu gom chất thải rắn đặc biệt nguy hại:** Đã bố trí nhiều thùng chứa chất thải từng khu vực cục bộ. Hằng ngày có đội vệ sinh đến thu gom, vận chuyển về kho lưu trữ riêng biệt.
- Đã được cấp Sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại.
- Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân và các thiết bị, dụng cụ PCCC trong từng khu vực.

Qua kết quả đo đạc trên, hiện trạng môi trường của công ty đã đạt tiêu chuẩn và phù hợp với quy định về pháp luật môi trường tại Việt Nam.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng phát thải...)/

- Năm 2016 công ty tiêu thụ nước 37.071 m³ trong đó lượng nước sinh hoạt như nấu cơm cho công nhân ăn, vệ sinh cá nhân và tưới tiêu vườn hoa cây xanh trong công ty chiếm khoảng 22.243 m³. Số 14.828 m³ còn lại sử dụng trong hoạt động sản xuất chủ yếu là nước tuần hoàn làm nguội máy móc thiết bị không thải ra ngoài. Tỷ lệ hao hụt do bốc hơi không đáng kể không gây ảnh hưởng đến môi trường. Nước thải sinh hoạt phù hợp tiêu chuẩn quy định.
- Năng lượng điện tiêu hao trong sản xuất trung bình 1.624.873 kw/tháng tính trên giá trị sản phẩm doanh thu khoảng 1.291 tỷ đồng là cao hơn năm 2015 (do ảnh hưởng bởi tổng doanh thu không như mong đợi). Năng lượng điện là năng lượng sạch không gây ảnh hưởng môi trường và được tận dụng 100% trong hoạt động sản xuất.
- Các chất thải rắn được thu gom xử lý theo quy định của pháp luật môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Công ty hoạt động tuân thủ mọi quy định của pháp luật hiện hành, mọi quyền lợi hợp pháp của công nhân đều được đảm bảo và thực thi. Công nhân được tự do tổ chức, tham gia hoạt động công đoàn và được công ty hỗ trợ kinh phí hoạt động. Mỗi quý một lần công ty tiến hành đối thoại dân chủ giữa người lao động và người sử dụng lao động tại nơi làm việc của công nhân trong công ty, hai bên cùng nhau thảo luận, trao đổi ý kiến và tháo gỡ thắc mắc liên quan đến trách nhiệm nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động và người sử dụng lao động. Vì vậy, mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động trong công ty diễn ra rất hài hòa và gắn bó với nhau. Công ty rất tự hào chưa từng xảy ra sự kiện tranh chấp lao động hoặc đình công.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 khiến công ty lỗ nặng trên 110 tỷ đồng, qua quyết tâm phấn đấu khắc phục hậu quả công ty đã bù đắp hết lỗ lũy kế và thực hiện chia cổ tức cho cổ đông. Tuy lợi nhuận chưa nhiều nhưng đã thể hiện tinh thần gánh vác với vai trò trách nhiệm của ban lãnh đạo trong phát triển bền vững, ổn định hoạt động sản xuất, tạo dựng công ăn việc làm cho công nhân lao động và lợi nhuận cho cổ đông. Những năm qua, công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ thuế đúng thời hạn và hỗ trợ quỹ học bổng cho sinh viên, học sinh địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

Trong bối cảnh tổng thể kinh tế toàn cầu phát triển trì trệ và khó khăn, kết quả hoạt động năm 2016 của công ty doanh thu giảm 8,37%, lợi nhuận sau thuế giảm 21,92% so với năm 2015. Nếu so với kế hoạch mục tiêu năm 2016 lợi nhuận sau thuế giảm thiểu khoảng 5,1 tỷ đồng, mức giảm khoảng 9,53%.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty

Trong quá trình thực hiện quản trị công ty năm 2016, Ban giám đốc luôn tuân thủ pháp luật và quy chế nội bộ của công ty không vi phạm pháp luật, tình hình tài chính lành mạnh, không có dấu hiệu khác thường hoặc sử dụng vốn sai lệch mục đích, hoặc đầu tư ngành nghề khác khi chưa được Hội đồng quản trị chấp thuận.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tốc độ tăng trưởng GDP Việt nam năm 2016 đạt 6,21% tuy thấp hơn 6,68% của năm 2015, nhưng vẫn giữ được mức độ tăng trưởng khả quan.

Triển vọng phát triển kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định trong năm 2017. Vì vậy, theo điều kiện khách quan, Hội đồng quản trị dự tính kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty năm 2017 cụ thể như sau:

Đvt: đồng

CHỈ TIÊU	2017
Doanh thu thuần	1.346.616.597.332
Lợi nhuận gộp	136.116.194.492
Lợi nhuận trước thuế	82.968.822.737
Chi phí thuế TNDN	15.231.685.507
Lợi nhuận sau thuế	67.737.137.230

Các số liệu trình bày trên đây là dựa trên cơ sở dự tính giá đồng bình quân trong năm 2017 ở mức 4.800USD/T và tỷ giá ổn định ở mức 23.238VND/USD.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Ông Shen Shang Pang

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam.

Phó chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1953

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Học viện Côn Sơn, Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 79.754 cổ phần (0,26%).

Ông Shen Shang Tao

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Phó Tổng giám đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 16/12/1960

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học Nam California, Hoa Kỳ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 44.732 cổ phần (0,15%).

Ông Shen Shang Hung

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Người đại diện theo pháp luật - Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 16/11/1958

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Đài Loan, MBA Đại Học Emory, Hoa Kỳ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 46.442 cổ phần (0,15%).

Ông Shen San Yi

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Tổng Giám Đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 09/3/1961

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Côn Sơn, Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 92.335 cổ phần (0,30%).

Ông Wang Ting Shu

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1954

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học khoa học kỹ thuật Viễn Đông.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

Ông Tsai Chung Cheng

Chức vụ hiện tại: **Thành viên HĐQT độc lập** Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 20/04/1949

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Cao đẳng thương nghiệp Đài Nam.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

Ông Tu Ting Jui

Chức vụ hiện tại: **Thành viên HĐQT độc lập** Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 19/08/1948

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Cao đẳng thương nghiệp Đài Nam.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện tại công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nhưng Hội đồng quản trị đã thông qua và chỉ định hai ông thành viên độc lập đảm nhiệm công việc của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Ông Tsai Chung Cheng chịu trách nhiệm về công việc tiểu ban nhân sự của HĐQT.
- Ông Tu Ting Jui chịu trách nhiệm về công việc tiểu ban lương thưởng của HĐQT.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2016 HĐQT đã họp 11 lần nhằm theo dõi, nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trong hội nghị, Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết vay vốn ngân hàng bổ sung vốn lưu động cho công ty, nhập khẩu máy móc thiết bị hiện đại, cải tiến chất lượng sản phẩm và hiệu suất sản xuất. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 đã mang lại lợi nhuận đáng kể cho công ty.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Công ty không thiết lập các tiểu ban trong Hội đồng quản trị, mà giao trách nhiệm hai thành viên Hội đồng quản trị độc lập chuyên trách công việc nhân sự và lương thưởng của Hội đồng quản trị. Năm 2016 Hai thành viên độc lập đã tham gia cuộc họp Hội đồng quản trị 11 lần, ngoài việc thảo luận, phát biểu ý kiến đưa ra các quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh sản xuất của công ty, mà còn đặc biệt xem xét, đệ trình Hội đồng quản trị thông qua quyết định đề bạt nhân sự, kế hoạch đào tạo tay nghề, điều chỉnh lương bổng và cấp phát tiền thưởng cuối năm 2016 cho nhân viên công ty.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Do Thành viên Hội đồng quản trị của công ty là người nước ngoài đã tốt nghiệp và hoàn thành chương trình nghiên cứu chuyên môn và quản trị kinh doanh tại các nước như Hoa kỳ, Taiwan... có dày dặn kinh nghiệm thực tế trong điều hành và quản trị công ty. Các thành viên này không tham gia các khóa đào tạo quản trị công ty tại Việt nam. Riêng cán bộ quản lý Việt nam và người được ủy quyền công bố thông tin của công ty đã tham gia và hoàn thành khóa đào tạo quản trị công ty tại Việt nam.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ông Wang Yen Huang

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Phó TGD tổng ban hành chính Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 25/8/1952

Nơi sinh: Đài Nam

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: MBA Đại học khoa học kỹ thuật Cao Hùng , Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

Ông Wang Wen Ruey

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Tổng Giám đốc Cuprime Material Co., Ltd.

Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 31/8/1951

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Đông Ngô, Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

Ông Chiu Tsung Jen

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam

Tổng giám đốc Ban xây dựng Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Tổng giám đốc Công ty CPHH xây dựng Taya (Việt Nam)

Ngày tháng năm sinh: 30/09/1957

Nơi sinh: Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: MBA Đại học California Hoa Kỳ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 2.310 cổ phần (0,01%).

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát một năm họp bốn (4) lần, chủ yếu bàn thảo trao đổi kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Mỗi quý Ban kiểm soát cử đại diện kiểm tra giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thù lao, các khoản lợi ích, chi phí hoạt động của Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Tiền lương:

- Ông Shen Shang Pang (chủ tịch HĐQT) lương 5.000USD/tháng.
- Ông Shen Shang Tao (phó chủ tịch HĐQT) lương 5.000USD/tháng.
- Ông Wang Ting Shu (Tổng giám đốc) lương 2.860USD/tháng.
- Ông Chiu Tsung Jen (thành viên BKS) lương 1.350USD/tháng.

Thù lao:

- Năm 2016 công ty lãi khoảng 48,8 tỷ đồng, công ty chi trả thù lao năm 2016 cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là 1.244.368.729 đồng.

b. Thù lao khác

- Ông Shen Shang Pang (chủ tịch HĐQT) phí bảo lãnh vay ngân hàng năm 2016: 411.619.750 đồng.

c. Chi phí hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát:

- Chi phí hoạt động của HĐQT: 690.545.437 đồng.
- Chi phí hoạt động của BKS: 196.520.000 đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị:

- Không giao dịch.

e. Xung đột lợi ích với công ty:

- Không xung đột lợi ích.

f. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ năm 2016:

➤ Giao dịch với Công ty có liên quan: Công ty TNHH Dây và Cáp điện Đại Á (Taya Electric Wire and Cable Co., Ltd

- Nhập khẩu nguyên vật liệu 740.775.610.606 VND và phí sử dụng bản quyền 1.540.183.708VND.

➤ Giao dịch với công ty có liên quan: Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Taya (Vietnam)

- Tiền cho thuê văn phòng 24.000.000VND.

➤ Giao dịch với công ty có liên quan: Công ty TNHH Điện cơ Teco (Vietnam)

- Tiền cho thuê văn phòng và nhà xưởng 777.336.000VND.

g. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Theo quy định của pháp luật về Quản trị công ty, các thành viên Hội đồng quản trị phải tham gia chương trình đào tạo Quản trị công ty tại Việt nam, nhưng trên thực tế thành viên Hội đồng quản trị của công ty chưa thể tham gia quy định này do là người nước ngoài, đã tốt nghiệp và hoàn thành chương trình nghiên cứu chuyên môn và quản trị tại các nước như Hoa kỳ, Taiwan...có dày dặn kinh nghiệm thực tế trong điều hành và quản trị công ty. Tuy nhiên, cán bộ quản lý và người được ủy quyền công bố thông tin Việt nam của công ty đã tham gia chương trình đào tạo Quản trị công ty nêu trên, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc tuân thủ và thực hiện các quy định pháp luật về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH(xem BCTC chi tiết và Trụ sở chính tại website công ty www.taya.com.vn)

1. Ý kiến kiểm toán



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-414/1



Chung Hưng Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2017

2. Báo cáo tài chính chọn lọc

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		608.400.552.029	664.965.005.613
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	194.077.470.840	234.551.637.935
Tiền	111		30.682.470.840	49.211.637.935
Các khoản tương đương tiền	112		163.395.000.000	185.340.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	40.800.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		40.800.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		186.414.426.161	209.328.731.695
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	186.144.063.171	207.304.196.561
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		282.512.420	2.872.886.199
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136		1.435.743.858	648.222.223
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(1.447.893.288)	(1.496.573.288)
Hàng tồn kho	140	7	178.597.770.283	199.974.688.896
Hàng tồn kho	141		180.896.827.158	200.915.366.851
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.299.056.875)	(940.677.955)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.510.884.745	21.109.947.087
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	1.109.532.934	1.657.134.190
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14(b)	6.559.010.620	19.231.030.493
Thuế phải thu Nhà nước	153	14(b)	226.488.693	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		615.852.498	221.782.404
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		108.967.772.315	108.851.373.033
Tài sản cố định	220		95.704.429.079	97.516.241.249
Tài sản cố định hữu hình	221	8	95.628.829.079	97.327.241.249
Nguyên giá	222		457.577.708.786	442.618.893.782
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(361.948.879.707)	(345.291.652.533)
Tài sản cố định vô hình	227	9	75.600.000	189.000.000
Nguyên giá	228		567.000.000	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(491.400.000)	(378.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.815.448.752	7.467.834.491
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	8.815.448.752	7.467.834.491
Tài sản dài hạn khác	260		4.447.894.484	3.867.297.293
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	3.084.418.582	2.611.054.234
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	1.363.475.902	1.256.243.059
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		717.368.324.344	773.816.378.646

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

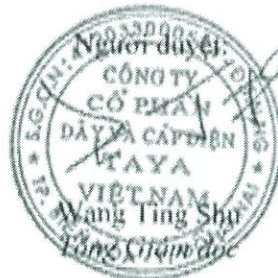
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		283.215.134.512	386.868.228.089
Nợ ngắn hạn	310		283.215.134.512	386.868.228.089
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	94.485.239.681	180.040.806.336
Người mua trả tiền trước	312		10.977.011.759	2.817.572.557
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(a)	931.735.136	7.956.930.826
Phải trả người lao động	314		7.910.757.520	7.189.475.213
Chi phí phải trả	315	15	1.128.063.392	1.210.050.512
Phải trả ngắn hạn khác	319		177.327.024	170.392.645
Vay ngắn hạn	320	16	167.605.000.000	187.483.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		434.153.189.832	386.948.150.557
Vốn chủ sở hữu	410	17	434.153.189.832	386.948.150.557
Vốn cổ phần	411	18	306.899.450.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	415	18	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	19	37.739.024.524	28.364.116.167
Lợi nhuận chưa phân phối	421		89.787.554.671	79.843.103.753
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		40.988.780.976	17.343.714.702
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		48.798.773.695	62.499.389.051
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		717.368.324.344	773.816.378.646

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

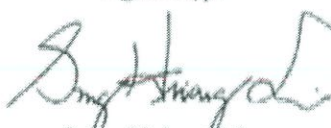
Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

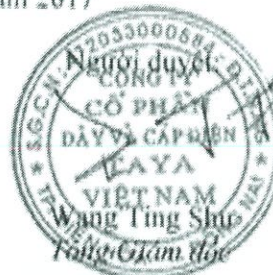
	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.291.313.573.115	1.409.049.607.888
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	284.030.870	159.665.335
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	1.291.029.542.245	1.408.889.942.553
Giá vốn hàng bán	11	23	1.179.055.749.833	1.269.967.366.547
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		111.973.792.412	138.922.576.006
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	14.757.630.636	13.279.819.566
Chi phí tài chính	22	25	10.764.116.218	23.343.597.463
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.563.426.244	4.898.081.589
Chi phí bán hàng	25		23.447.037.187	23.197.645.282
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		30.685.453.797	28.212.459.050
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		61.834.815.846	77.448.693.777
Thu nhập khác	31	26	34.378.302	39.631.263
Chi phí khác	32	27	751.458.863	149.895.294
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(717.080.561)	(110.264.031)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		61.117.735.285	77.338.429.746
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	12.426.194.433	14.911.262.172
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	29	(107.232.843)	(72.221.477)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		48.798.773.695	62.499.389.051
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.591	2.037

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	61.117.735.285	77.338.429.746
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	17.334.610.387	17.701.979.340
Các khoản dự phòng	03	1.379.698.920	105.336.443
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	893.991.498	1.562.427.497
Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư	05	(10.747.641.897)	(9.038.312.476)
Chi phí lãi vay	06	5.563.426.244	4.898.081.589
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	75.541.820.437	92.567.942.139
Biến động các khoản phải thu	09	36.326.274.534	4.300.927.113
Biến động hàng tồn kho	10	20.018.539.693	(22.130.677.357)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(76.550.877.140)	(5.160.664.447)
Biến động chi phí trả trước	12	74.236.908	(802.530.476)
		55.409.994.432	68.774.996.972
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.565.441.101)	(4.857.283.348)
Thuế thu nhập đã nộp	15	(19.710.499.790)	(10.710.428.410)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.593.734.420)	(1.157.786.164)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	28.540.319.121	52.049.499.050
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(16.870.412.478)	(9.984.716.288)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	15.500.000	-
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	26	(40.800.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	9.988.426.262	9.367.758.828
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(47.666.486.216)	(616.957.460)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

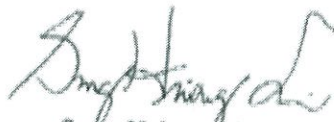
Mã Thuyết	2016	2015
số minh	VND	VND

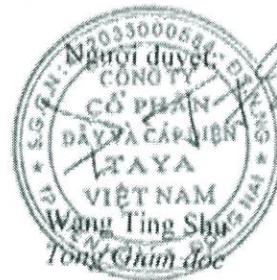
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	416.931.000.000	433.095.024.750
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(438.279.000.000)	(414.926.024.750)
Tiền chi trả cổ tức	36 20	.	(27.892.340.268)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(21.348.000.000)	(9.723.340.268)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(40.474.167.095)	41.709.201.322
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	234.551.637.935	192.842.436.613
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70 4	194.077.470.840	234.551.637.935

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Người lập:


 Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng



Biên Hòa, Ngày 20 tháng 03 năm 2017

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám Đốc



Wang Ting Shu

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này